

QUÂN KHU 7
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2830/BCH-TM

Đồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2025

V/v trình ký quy chế hoạt động, quyết
định thành lập Cơ quan Thường trực và
một số văn bản triển khai công tác phòng
không nhân dân

Kính gửi:

- Đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh-Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh.

Căn cứ Luật Phòng không nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2024; Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08/7/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng không nhân dân (PKND);

Căn cứ Thông tư số 30/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về Quy định về trọng điểm PKND, thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc chỉ huy PKND các cấp, tổ chức lực lượng PKND, bề mặt giới hạn chương ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không và danh mục trang bị cho các lực lượng PKND; Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về xây dựng kế hoạch PKND;

Căn cứ Công văn số 262/PKLQ-KHTH ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Cục Phòng không lục quân về việc thống nhất một số nội dung triển khai thực hiện quy định của pháp luật về PKND;

Căn cứ Quy chế số 119/QC-BCĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân Quân khu về việc tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân Quân khu.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã tham mưu cho Ban Chỉ đạo PKND tỉnh xây dựng một số văn bản:

- Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo PKND tỉnh: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã lấy ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo PKND tỉnh và bổ sung quy định kiểm tra về công tác PKND theo quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo PKND quân khu 7;

- Xây dựng Quyết định thành lập Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo PKND tỉnh;

- Xây dựng hướng dẫn về cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo PKND xã, phường thuộc tỉnh; thống nhất một số nội dung thực hiện pháp luật về PKND;

- Xây dựng công văn chỉ đạo Ban Chỉ đạo PKND các xã, phường báo cáo số liệu phục vụ xây dựng kế hoạch PKND tỉnh Đồng Nai (kế hoạch thời chiến);

Kính trình đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh-Trưởng ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.CHT-TMT;
- TT PTM;
- Lưu: VT, PK. V07



Đại tá Võ Thành Danh

Số: /QĐ-BCĐ

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo
Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

Căn cứ Căn cứ Luật Phòng không nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng không nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 30/2025/TT-BQP ngày 15/5/2025 của Bộ Quốc phòng về việc quy định trọng điểm Phòng không nhân dân, thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc chỉ huy Phòng không nhân dân các cấp, tổ chức lực lượng Phòng không nhân dân, bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không và danh mục trang bị cho các lực lượng Phòng không nhân dân;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại Tờ trình số /TTr-BCH ngày tháng năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo) gồm các đồng chí có tên sau:

1. Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

Đồng chí Thượng tá Phạm Minh Trí - Phó Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh.

2. Phó Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

Đồng chí Trung tá Trần Trung Kiên - Phó Tham mưu trưởng/Bộ CHQS tỉnh.

3. Thành viên Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

- Đồng chí Phó Chủ nhiệm Chính trị/Bộ CHQS tỉnh;
- Đồng chí Phó Chủ nhiệm Hậu cần-Kỹ thuật/Bộ CHQS tỉnh;
- Đồng chí Chánh Văn Phòng/Bộ CHQS tỉnh;
- Đồng chí Trưởng ban Tài chính/Bộ CHQS tỉnh;

- Đồng chí Trưởng ban Phòng không/Phòng Tham mưu;
- Đồng chí Trưởng ban Tác huấn/Phòng Tham mưu;
- Đồng chí Trưởng ban Quân lực/Phòng Tham mưu;
- Đồng chí Trưởng ban Dân quân/Phòng Tham mưu;
- Đồng chí Trưởng ban Tổ chức/Phòng Chính trị;
- Đồng chí Trưởng ban Tuyên huấn/Phòng Chính trị;
- Đồng chí Trưởng ban Tham mưu-Kế hoạch/Phòng Hậu cần-Kỹ thuật;
- Đồng chí Trưởng ban Quân khí/Phòng Hậu cần-Kỹ thuật;

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; đơn đốc triển khai thực hiện quy chế, chương trình công tác, các công việc thường xuyên, đột xuất của Ban Chỉ đạo;

2. Tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, các đề án, dự án, quy hoạch hệ thống trận địa phòng không, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và công nghệ về hoạt động Phòng không nhân dân; xây dựng lực lượng phòng không nhân dân, tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, xử lý tình huống tác chiến phòng không; xây dựng các công trình phòng tránh, trận địa phòng không trong khu vực phòng thủ và triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân; bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật cho lực lượng Phòng không nhân dân;

3. Chủ trì, phối hợp với sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay;

4. Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; quản lý bề mặt giới hạn chương ngại vật phòng không của trận địa phòng không;

5. Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân; hướng dẫn việc quản lý, khai thác sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật và các phương tiện của lực lượng Phòng không nhân dân; tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân của xã, phường;

6. Thành lập Cơ quan Tham mưu giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân; được sử dụng con dấu, bộ máy, phương tiện của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để thực hiện các hoạt động Phòng không nhân dân (theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo). Có quyền yêu cầu các thành viên Ban Chỉ đạo, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp thông tin, báo cáo tình hình liên quan và kết quả thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân;

7. Lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo gửi Sở Tài chính thẩm định, quản lý sử dụng, quyết toán kinh phí theo luật ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Cơ quan Thường trực

1. Chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, Phó ban Thường trực Ban Chỉ đạo về công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo các hoạt động Phòng không nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu, đề xuất cho Ban Chỉ đạo kế hoạch, chương trình hoạt động và những vấn đề liên quan đến phòng không nhân dân; Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo; Phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên Cơ quan Thường trực tham mưu, đôn đốc việc triển khai thực hiện chương trình công tác của Ban Chỉ đạo; chủ trì các cuộc họp định kỳ, đột xuất và các hội nghị của Cơ quan Thường trực.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân; hướng dẫn việc quản lý, khai thác sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật và các phương tiện của lực lượng Phòng không nhân dân; tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân của xã, phường.

4. Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo được sử dụng con dấu, bộ máy, phương tiện của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo (theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo).

Điều 4. Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân

1. Ban Phòng không thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh là Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân tỉnh (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh), thực hiện các nhiệm vụ:

- Tham mưu các văn bản chỉ đạo, xây dựng các đề án, dự án và xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ; triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân của tỉnh.

- Tham mưu xây dựng, huy động lực lượng phòng không nhân dân; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân cho lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

- Tham mưu hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và địa phương về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân; quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia các hoạt động phòng không nhân dân, các quy định về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng; kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng không nhân dân.

- Tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động Phòng không nhân dân cho Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Cơ cấu, thành phần Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân tỉnh giao Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo quyết định.

3. Cơ cấu, thành phần Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân phòng thủ khu vực giao đồng chí Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ khu vực quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Quyết định số 50/QĐ-BCĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1499/QĐ-BCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh tự giải thể sau khi có văn bản báo cáo đã hoàn thành nhiệm vụ được giao với Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 có trách nhiệm cử nhân sự tham gia xuyên suốt Cơ quan Thường trực và có văn bản thông báo khi có sự thay đổi nhân sự cho Cơ quan Thường trực biết và chịu trách nhiệm về hoạt động của nhân sự được cử tham gia.

2. Thủ trưởng Phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần-Kỹ thuật Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Chánh Văn phòng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**TM.BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Các thành viên BCĐ PKND tỉnh;
- CQTT BCĐ PKND/qk (báo cáo);
- Các thành viên CQTT;
- Ban Chỉ huy PTKV, BDBP;
- BCĐ PKND 72 xã, 23 phường;
- Lưu: VT, PK. V228.

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Trường Sơn**

Số: /QĐ-BCĐ

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo
Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Phòng không nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng không nhân dân; Thông tư số 30/2025/TT-BQP ngày 15/5/2025 của Bộ Quốc phòng về việc quy định trọng điểm Phòng không nhân dân, thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc chỉ huy Phòng không nhân dân các cấp, tổ chức lực lượng Phòng không nhân dân, bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không và danh mục trang bị cho các lực lượng Phòng không nhân dân;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày...tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 70/QĐ-BCĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 1495/QĐ-BCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Trưởng ban chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và thành viên Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM.BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban NCTU, Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Cơ quan Thường trực BCĐ PKND/qk7;
- Lưu: VT, KGVX.

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Trường Sơn

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PKND ngày /10/2025
của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), quy trình giải quyết công việc và mối quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo.

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực, Cơ quan chuyên trách Ban Chỉ đạo; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan đến Phòng không nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc và chế độ làm việc

1. Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu. Trưởng ban là người quyết định cuối cùng đối với các vấn đề của Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng ban được quyết định một số vấn đề cụ thể theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban; các Ủy viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm triển khai công việc được phân công và chủ động chỉ đạo cơ quan chức năng triển khai các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án về Phòng không nhân dân.

3. Chỉ đạo chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất khi cần thiết; có thể phân công, ủy quyền cho Phó Trưởng ban chỉ đạo, các ủy viên chủ trì các cuộc họp để thảo luận, quyết định một số vấn đề cụ thể thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp, trường hợp không thể tham dự, báo cáo Trưởng ban chỉ đạo và ủy quyền cho người đại diện cơ quan, đơn vị, địa phương dự họp.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THÀNH VIÊN, CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC, CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

2. Thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình hoạt động và những vấn đề liên quan đến phòng không nhân dân sau khi đã được Ban Chỉ đạo thảo luận và quyết nghị.

3. Phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên Ban Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện chương trình công tác của Ban Chỉ đạo; chủ trì các cuộc họp định kỳ, đột xuất và các hội nghị của Ban Chỉ đạo; khi cần thiết ủy quyền cho Phó Trưởng ban chủ trì cuộc họp thảo luận, quyết định một số vấn đề cụ thể thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo. Trong trường hợp cần thiết, ủy quyền cho Phó Trưởng ban giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình; trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách, trực tiếp chỉ đạo xử lý một số công việc đã phân công cho Thành viên Ban Chỉ đạo.

5. Chỉ đạo tổ chức các đoàn làm việc, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân.

Điều 4. Các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Nhiệm vụ chung

a) Tham mưu cho Trưởng ban các chủ trương, chính sách, giải pháp quan trọng thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân; đề xuất biện pháp, phương hướng giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động Phòng không nhân dân thuộc lĩnh vực được phân công;

b) Đôn đốc các địa phương thực hiện kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, giải pháp Phòng không nhân dân;

c) Chủ trì các cuộc họp theo sự ủy quyền của Trưởng ban; cho ý kiến về Quy chế tổ chức, hoạt động, các chương trình công tác của Ban Chỉ đạo và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về nội dung được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Ban hành văn bản hướng dẫn theo từng lĩnh vực, ngành phụ trách để thực hiện các nhiệm vụ Phòng không nhân dân liên quan của Ban Chỉ đạo;

e) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị nơi công tác để ký các văn bản của Ban Chỉ đạo.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban.

2. Nhiệm vụ cụ thể

a) Phó Trưởng ban Thường trực là Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

- Giúp Trưởng ban chỉ đạo, điều phối các hoạt động thường xuyên của Ban Chỉ đạo; thay mặt Trưởng ban chủ trì và điều phối hoạt động chung của Ban Chỉ đạo khi được ủy quyền; chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân;

- Chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực công tác, bao gồm những công việc đã phân công hoặc ủy nhiệm cho cấp dưới cụ thể:

+ Chủ trì, phối hợp với thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan liên quan xây dựng đề án, dự án, quy hoạch hệ thống trận địa phòng không, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và công nghệ về hoạt động Phòng không nhân dân; thẩm định việc xây dựng các công trình phòng không nhân dân, các công trình lưỡng dụng để sẵn sàng trưng dụng cho nhiệm vụ quốc phòng, quân sự; ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động phòng không nhân dân; bảo đảm an ninh, trật tự trong diễn tập; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, xử phạt và giải quyết khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân.

+ Chủ trì bảo đảm vũ khí trang bị kỹ thuật, hướng dẫn việc quản lý, khai thác sử dụng vũ khí trang bị kỹ thuật và các phương tiện, thiết bị cho lực lượng Phòng không nhân dân.

+ Thay mặt Trưởng ban thành lập Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Cơ quan Tham mưu giúp việc cho Chỉ huy PKND để triển khai thực hiện thống nhất nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân trong phạm vi toàn tỉnh; ký quyết định thành lập, kiện toàn Cơ quan Thường trực, Cơ quan tham mưu, giúp việc; Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn công tác quản lý bề mặt giới hạn chương ngại vật phòng không của trận địa phòng không; rà soát bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ

liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay; công tác tham mưu tác chiến phòng không trong khu vực phòng thủ; diễn tập phòng không nhân dân; diễn tập khu vực phòng thủ có triển khai nội dung phòng không nhân dân.

- Chủ trì chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Ban Chỉ đạo; lập kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; khi được Trưởng ban chỉ đạo uỷ quyền, triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo và ký kế hoạch hoạt động phòng không nhân dân hàng năm, các văn bản báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Quân khu kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân.

- Giúp Trưởng ban chỉ đạo theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện công tác phòng không nhân dân ở cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Chỉ đạo các xã, phường tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân theo quy định của pháp luật.

b) Phó Trưởng ban là Phó Giám đốc Công an tỉnh

- Chỉ đạo lực lượng thuộc quyền tham gia các hoạt động Phòng không nhân dân; bảo đảm an ninh trật tự trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân;

- Phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo lực lượng Công an địa phương, lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở phối hợp với cơ quan quân sự địa phương cùng cấp trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác ở địa phương.

Điều 5. Các ủy viên Ban chỉ đạo

1. Nhiệm vụ chung

- Chủ trì tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo các giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về Phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý; rà soát, đề nghị bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay; tham gia quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức chuyên ngành về Phòng không nhân dân và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; xây dựng đề án, dự án, kế hoạch về Phòng không nhân dân và quản lý phạm

vi, độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không theo nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch Phòng không nhân dân bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ của sở, ban, ngành; triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban chỉ đạo về chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân theo ngành, lĩnh vực được phân công; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Tham gia xây dựng, góp ý vào chương trình công tác, kế hoạch, báo cáo của Ban chỉ đạo do Cơ quan Thường trực dự thảo; đề xuất giải quyết các nhiệm vụ của Ban chỉ đạo; chủ trì hoặc tham gia các đoàn công tác của Ban chỉ đạo theo kế hoạch hoặc theo sự phân công của Trưởng ban; tổng hợp, đánh giá kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác Phòng không nhân dân của sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương mình phụ trách báo cáo Trưởng ban chỉ đạo, cơ quan Thường trực đúng thời gian quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng ban.

2. Nhiệm vụ cụ thể

- Sở Tài chính: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng kế hoạch, đề án về Phòng không nhân dân, thẩm định dự toán kinh phí và hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

- Sở Xây dựng: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thông báo, quản lý các bề mặt giới hạn chướng ngại vật phòng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật phòng không trong khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của trận địa phòng không; lập đề án quy hoạch chung để xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở cao tầng, khu hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, khu kinh tế, khu đặc thù, khu công nghệ cao sau khi có văn bản thống nhất với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh để làm cơ sở xin cấp phép xây dựng; quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông bảo đảm cho sơ tán, phòng tránh đánh địch đột nhập, tiến công hỏa lực đường không khi có tình huống tác chiến phòng không.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh rà soát, đề nghị bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay; các khu vực quy hoạch khu sơ tán, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về Phòng không nhân dân gắn với giáo dục quốc phòng an ninh cho các cấp học, bậc học; Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng an ninh về kiến thức về Phòng không nhân dân trong tập huấn hàng năm.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh bảo đảm phương tiện thông tin liên lạc trong thông báo, báo động phòng không, diễn tập về phòng không nhân dân dân và diễn tập phòng thủ khu vực về phòng không nhân dân.

- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Tổ chức tuyên truyền về hoạt động Phòng không nhân dân, Luật Phòng không không nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành luật cho nhân dân.

- Các sở, ban, ngành còn lại thực hiện công tác Phòng không nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được phụ trách.

Điều 6. Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo

Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo là cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh, thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, các đề án, dự án, quy hoạch hệ thống trận địa phòng không, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và công nghệ về hoạt động Phòng không nhân dân của Ban Chỉ đạo.

2. Chủ trì các cuộc họp đột xuất xử lý những công việc ngoài chương trình công tác của Ban Chỉ đạo liên quan đến nhiệm vụ Phòng không nhân dân; xây dựng và triển khai các văn bản hướng dẫn của Ban Chỉ đạo; chuẩn bị nội dung cho các phiên họp của Ban Chỉ đạo; nhận báo cáo, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác Phòng không nhân dân quý, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ báo cáo Ban Chỉ đạo, Quân khu theo quy định.

3. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, xử lý tình huống tác chiến phòng không của các lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân; xây dựng công trình phòng tránh, trận địa phòng không trong khu vực phòng thủ và triển khai hệ thống trinh sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân; rà soát, đề nghị bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay; tham gia quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trên địa bàn tỉnh; sơ kết, tổng kết, khen thưởng; kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về Phòng không nhân dân.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường triển khai thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân; tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân của xã, phường.

5. Đôn đốc triển khai thực hiện Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, chương trình công tác, các công việc thường xuyên, đột xuất của Ban chỉ đạo; trường hợp

cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, trên cơ sở đề xuất của các thành viên Ban chỉ đạo, báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định.

6. Có quyền yêu cầu các thành viên Ban Chỉ đạo, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường cung cấp thông tin, báo cáo tình hình liên quan và kết quả thực hiện nhiệm vụ Phòng không nhân dân.

7. Lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, quản lý sử dụng, quyết toán kinh phí theo luật ngân sách nhà nước.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban chỉ đạo, Trưởng ban giao.

Điều 7. Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân

Ban Phòng không thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh là Cơ quan Tham mưu, giúp việc cho Chỉ huy Phòng không nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tham mưu các văn bản chỉ đạo, xây dựng các đề án, dự án và xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ; triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân của tỉnh.

2. Tham mưu xây dựng, huy động lực lượng phòng không nhân dân; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập phòng không nhân dân cho lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

3. Tham mưu hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và địa phương về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hoạt động phòng không nhân dân, quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và đề nghị bổ sung hoặc loại khỏi cơ sở dữ liệu quốc gia về khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay.

4. Tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia các hoạt động phòng không nhân dân, các quy định về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng; kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng không nhân dân.

6. Tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động Phòng không nhân dân cho Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 8. Chế độ hội họp của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo họp thường kỳ 01 năm một lần để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm và triển khai công tác Phòng không nhân dân năm tiếp theo; khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng

không nhân dân cấp trên, Trưởng ban chỉ đạo triệu tập các phiên họp bất thường của Ban Chỉ đạo.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo mỗi năm họp 2 lần. Ủy viên ban chỉ đạo, thành viên Cơ quan Thường trực có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, đóng góp ý kiến trong các phiên họp, các văn bản và tham gia kiểm tra phòng không nhân dân theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

3. Sau mỗi phiên họp của Ban Chỉ đạo, Cơ quan tham mưu giúp việc ghi biên bản và tổng hợp kết luận của Trưởng ban chỉ đạo báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và thông báo đến các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các Ủy viên ban chỉ đạo.

4. Các văn bản do Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban chỉ đạo ký đóng dấu của UBND tỉnh; các văn bản do Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh - Phó Trưởng ban Thường trực ký đóng dấu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Điều 9. Chế độ kiểm tra

1. Định kỳ hàng năm, Ban Chỉ đạo (hoặc ủy quyền Cơ quan Thường trực) kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, các hoạt động Phòng không nhân dân của cấp mình và Ban Chỉ đạo hoặc Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo các xã, phường thuộc tỉnh; mỗi năm kiểm tra từ 18 đến 20 xã, phường; trong nhiệm kỳ, kiểm tra 100% các xã, phường.

2. Khi cần thiết, nhiệm vụ đột xuất hoặc khi có lệnh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo triển khai kế hoạch, tổ chức kiểm tra công tác Phòng không nhân dân các địa phương theo chỉ đạo.

3. Nội dung, thành phần, quy trình, đánh giá kết quả kiểm tra theo phụ lục kèm theo quy chế này.

Điều 10. Mối quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân Quân khu 7 với Ban Chỉ đạo là mối quan hệ chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp trên với Ban Chỉ đạo cấp dưới về nhiệm vụ Phòng không nhân dân.

2. Quan hệ giữa UBND tỉnh với Ban Chỉ đạo là quan hệ chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo về tổ chức thực hiện công tác Phòng không nhân dân.

3. Quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh là quan hệ chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo về tổ chức thực hiện công tác phòng không nhân dân.

4. Quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh với các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường là mối quan hệ chịu sự chỉ đạo về chuyên ngành Phòng không nhân dân.

5. Quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh với Cơ quan Thường trực và Cơ quan tham mưu, giúp việc là quan hệ chỉ đạo của cấp trên với cấp dưới.

6. Mỗi quan hệ giữa Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh với Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường là mối quan hệ chỉ đạo và chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp trên với Ban Chỉ đạo cấp dưới về nhiệm vụ Phòng không nhân dân.

7. Quan hệ giữa Trưởng ban Chỉ đạo với các Phó Trưởng ban, thành viên Ban Chỉ đạo là quan hệ chỉ đạo cấp trên với cấp dưới.

8. Quan hệ giữa các Phó Trưởng ban với thành viên Ban Chỉ đạo là quan hệ chấp hành sự điều hành các nội dung liên quan đến công tác Phòng không nhân dân.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm cho Phòng không nhân dân và hoạt động của Ban chỉ đạo

Kinh phí bảo đảm cho Phòng không nhân dân và hoạt động của Ban Chỉ đạo theo quy định tại Điều 43 Luật Phòng không nhân dân, cụ thể: Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước bảo đảm, giao Bộ chỉ huy quân sự tỉnh lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo qui định của Luật Ngân sách nhà nước. Nhiệm vụ chỉ cho Phòng không nhân dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng không nhân dân.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực, Cơ quan Tham mưu giúp việc có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện có nội dung cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, Cơ quan Thường trực tổng hợp ý kiến đề nghị của các thành viên Ban Chỉ đạo, trình Trưởng ban chỉ đạo xem xét, quyết định.

Điều 13. Phó Trưởng ban Thường trực, Cơ quan Thường trực chịu trách nhiệm theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này./.

Phụ lục
QUY ĐỊNH KIỂM TRA CÔNG TÁC PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN
(Ban hành kèm theo Quy chế số /QC-BCĐ ngày /10/2025 của BCĐ)

1. Đối tượng kiểm tra

- Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phòng không nhân dân các xã, phường;
- Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực;
- Các Phòng, ban cấp xã;
- Các tổ chức, doanh nghiệp.
- Các đơn vị phòng không thuộc địa phương quản lý.

2. Tổ chức, phương pháp, thành phần kiểm tra

a) Tổ chức

Trên cơ sở chỉ thị, kế hoạch Phòng không nhân dân hàng năm, Ban Chỉ đạo hoặc ủy quyền cho Cơ quan Thường trực, Cơ quan Tham mưu, giúp việc tổ chức kiểm tra hoạt động công tác Phòng không nhân dân của các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc quyền.

b) Phương pháp

- Kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất.
- Kiểm tra chuyên đề Phòng không nhân dân hoặc kết hợp với kiểm tra thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các nhiệm vụ khác.

c) Thành phần

Căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung của kế hoạch kiểm tra để quy định thành phần đoàn kiểm tra, thông thường đoàn kiểm tra gồm:

- Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo
 - + Trưởng đoàn: Đồng chí Trưởng ban Ban Chỉ đạo (Phó Trưởng ban Ban chỉ đạo);
 - + Phó Trưởng đoàn: Đồng chí Trưởng Cơ quan Thường trực hoặc Phó Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo;
 - + Thành viên: Một số đồng chí là Ủy viên Ban Chỉ đạo;
 - + Thư ký tổng hợp: 01 đồng chí cán bộ thuộc Cơ quan Tham mưu, giúp việc.
- Đoàn kiểm tra của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo
 - + Trưởng đoàn: Đồng chí Trưởng Cơ quan Thường trực hoặc Phó Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo;
 - + Phó Trưởng đoàn: Đồng chí Phó Trưởng Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo;
 - + Thành viên: Một số đồng chí là Ủy viên Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo;
 - + Thư ký tổng hợp: 01 đồng chí cán bộ thuộc Cơ quan Tham mưu, giúp việc.

- Đoàn kiểm tra của Cơ quan Tham mưu, giúp việc
- + Trưởng đoàn: Đồng chí Trưởng cơ quan Tham mưu, giúp việc hoặc Phó Trưởng cơ quan Tham mưu, giúp việc;
- + Thành viên: Cán bộ cơ quan Tham mưu, giúp việc;
- + Thư ký tổng hợp: 01 đồng chí cán bộ thuộc Cơ quan Tham mưu, giúp việc.

3. Nội dung kiểm tra

a) Văn kiện chỉ đạo Phòng không nhân dân

- Văn bản chỉ đạo thực hiện công tác Phòng không nhân dân của tỉnh;
- Quyết định thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo;
- Quyết định thành lập và kiện toàn Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo;
- Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo;
- Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác Phòng không nhân dân.

b) Văn bản tổ chức thực hiện công tác phòng không nhân dân

- Kế hoạch Phòng không nhân dân của xã, phường;
- Kế hoạch Phòng không nhân dân của các phòng, ban, ngành;
- Kế hoạch phòng không dài hạn;
- Kế hoạch đánh địch đột nhập đường không;
- Kế hoạch mở rộng lực lượng dân quân tự vệ (phần Dân quân Tự vệ phòng không);
- Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị (phần công tác Đảng, công tác chính trị đối với Phòng không nhân dân);
- Kế hoạch Hậu cần - Kỹ thuật nhóm (phần bảo đảm cho Phòng không nhân dân).
- Chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, hoạt động Phòng không nhân dân hàng năm;
- Công tác quản lý tàu bay không người lái và phương tiện bay khác;
- Công tác quản lý phạm vi và độ cao chướng ngại vật hàng không đối với trận địa phòng không.

c) Tổ chức xây dựng lực lượng

- Kết quả xây dựng các đơn vị Dân quân Tự vệ phòng không;
- Tổ chức, biên chế: Trung đội Súng máy phòng không 12,7; đài (vọng) quan sát phòng không; khẩu đội SMPK 12,7mm kiêm nhiệm; tổ bắn mục tiêu bay thấp bằng súng bộ binh; tổ chế áp tàu bay không người lái và phương tiện bay khác.
- Kết quả xây dựng lực lượng Phòng không nhân dân rộng rãi (lực lượng huy động và lực lượng tự nguyện).

d) Công tác sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện

- Hệ thống văn bản, kế hoạch, hướng dẫn, sổ sách đăng ký thực hiện nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu phòng không;

- Thực hành huấn luyện và xử lý các tình huống chiến đấu phòng không.
- e) Công tác tuyên truyền và giáo dục
 - Kết quả công tác phối hợp tuyên truyền và giáo dục về Phòng không nhân dân;
 - Kết quả nghiên cứu, viết bài về Phòng không nhân dân.
- g) Công tác diễn tập, hội thi, hội thao
 - Diễn tập phòng thủ khu vực;
 - Diễn tập chiến đấu cấp xã, phường;
 - Hội thi, hội thao.
- h) Công tác tham mưu, xây dựng, sửa chữa bảo đảm công trình phòng tránh, đánh địch tiến công hỏa lực đường không
 - Công tác tham mưu về PKND trong xây dựng các công trình dân sự, công trình phòng thủ, công trình lương dụng.
 - Kết quả xây dựng các đài (vọng) quan sát, hầm, hào, trận địa phòng không.
- i) Công tác chỉ đạo, kiểm tra hoạt động phòng không nhân dân
 - Chế độ hội họp theo quy định;
 - Số lượng và kết quả hoạt động kiểm tra công tác Phòng không nhân dân.
- k) Công tác tổng hợp, báo cáo, rút kinh nghiệm và sơ, tổng kết, khen thưởng
 - Công tác báo cáo về Phòng không nhân dân (báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm).
 - Chất lượng báo cáo về Phòng không nhân dân.

4. Nhiệm vụ các thành viên Đoàn kiểm tra

- a) Trưởng đoàn
 - Chỉ đạo, điều hành các công việc của đoàn kiểm tra; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức kiểm tra công tác Phòng không nhân dân;
 - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Trưởng đoàn và các thành viên đoàn kiểm tra.
 - Chủ trì kết luận tại các đơn vị, địa phương được kiểm tra.
 - Nhận xét, kết luận hoặc đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường các biện pháp khắc phục thiếu sót, khuyết điểm về nội dung kiểm tra.
 - Hoàn thiện văn bản kết luận; thông báo kết quả kiểm tra cho các đơn vị, địa phương được kiểm tra và báo cáo lên trên theo quy định.
 - Giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra.
- b) Phó Trưởng đoàn
 - Thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng đoàn phân công.

- Giúp Trưởng đoàn điều hành các hoạt động của đoàn kiểm tra; trực tiếp chỉ đạo Tham mưu, giúp việc triển khai thực hiện các nội dung kiểm tra theo đúng kế hoạch.

- Chủ trì các cuộc họp của Đoàn kiểm tra khi được Trưởng đoàn ủy quyền.

- Điều hành cơ quan Tham mưu, giúp việc triển khai công tác chuẩn bị cho kiểm tra theo chỉ đạo của Trưởng đoàn kiểm tra.

c) Các thành viên Đoàn kiểm tra

- Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn; nắm chắc kế hoạch, chịu trách nhiệm về việc nhận xét, đánh giá kết quả các nội dung kiểm tra được giao;

- Ban Phòng không/Phòng Tham mưu/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh là trung tâm hiệp đồng, chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai kế hoạch; tổng hợp kết quả kiểm tra của các đơn vị, địa phương và báo cáo Trưởng đoàn.

5. Trách nhiệm của đơn vị, địa phương được kiểm tra

- Đơn vị, địa phương được kiểm tra tổ chức quán triệt, triển khai làm tốt công tác chuẩn bị và thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

- Sau kiểm tra, các đơn vị, địa phương tổ chức rút kinh nghiệm, xác định các biện pháp khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm, những mặt còn hạn chế.

6. Thời điểm kiểm tra

Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động Phòng không nhân dân 6 tháng đầu năm hoặc cuối năm; cả năm hoặc giai đoạn.

7. Phương pháp đánh giá thành tích và tính điểm

- Đánh giá thành tích bằng phương pháp chấm điểm theo từng nội dung kiểm tra và tính theo thang điểm 10, lấy thành tích đến 2 số thập phân;

- Thành tích của địa phương, đơn vị được kiểm tra là tổng điểm trung bình cộng của các nội dung được kiểm tra;

- Tổng điểm kiểm tra của địa phương được tính theo công thức sau:

$$S_{DP} = 0,6 S_{BCD \text{ xã, phường}} + 0,2 S_{\text{Phòng, ban}} + 0,2 S_{TC, DN}$$

- $S_{BCD \text{ xã, phường}}$: Điểm kiểm tra Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân xã, phường tính hệ số: 0,6;

- $S_{\text{Phòng, ban}}$: Điểm kiểm tra Sở, ban, ngành tỉnh tính hệ số: 0,2;

- $S_{TC, DN}$: Điểm kiểm tra các tổ chức, doanh nghiệp tính hệ số: 0,2.

- Công thức tính điểm từng thành phần

$$S = (S_1 + S_2 + S_3 + \dots + S_9) : 9$$

Trong đó:

+ S: Điểm kiểm tra của thường thành phần;

- + S1: Điểm văn bản chỉ đạo Phòng không nhân dân;
- + S2: Điểm văn bản, kế hoạch tổ chức, thực hiện Phòng không nhân dân;
- + S3: Điểm tổ chức xây dựng lực lượng;
- + S4: Điểm công tác tuyên truyền, giáo dục Phòng không nhân dân;
- + S5: Điểm công tác sẵn sàng chiến đấu và huấn luyện;
- + S6: Điểm diễn tập, hội thao, hội thi;
- + S7: Điểm công tác xây dựng, sửa chữa, bảo đảm công trình phòng tránh, đánh địch;
- + S8: Điểm công tác chỉ đạo, kiểm tra Phòng không nhân dân thuộc quyền;
- + S9: Điểm công tác sơ, tổng kết, báo cáo theo quy định.
- Xếp loại: Địa phương, đơn vị có điểm kiểm tra cao hơn xếp trên, những địa phương có điểm bằng nhau xếp ngang nhau.
- Cách tính thành tích
 - + Giỏi: từ 8,00 điểm trở lên.
 - + Khá: từ 6,60 điểm đến 7,99 điểm.
 - + Đạt: Từ 5,00 điểm đến 6,59 điểm.
 - + Không đạt: dưới 5,00 điểm.
- Chú ý trong quá trình kiểm tra
 - + Nếu địa phương, đơn vị được kiểm tra nào không chuẩn bị đầy đủ các mặt bảo đảm cho từng nội dung kiểm tra thì bị trừ từ 0,1 đến 0,5 điểm.
 - + Chấp hành kế hoạch kiểm tra không nghiêm bị trừ từ 0,5 đến 1 điểm (tùy theo mức độ vi phạm và vi phạm ở nội dung nào thì trừ điểm kiểm tra ở nội dung đó).
 - + Trong quá trình kiểm tra, nếu để xảy ra mất an toàn: Tùy thuộc vào mức độ, căn cứ vào Điều lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và pháp luật hiện hành, Trưởng đoàn xem xét quyết định./.

Số: /HD-BCĐ

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2025

HƯỚNG DẪN

**Cơ cấu tổ chức Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân
xã, phường thuộc tỉnh; thống nhất một số nội dung
thực hiện pháp luật về Phòng không nhân dân**

Căn cứ Nghị định số 198/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng không nhân dân (PKND); Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề án sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương cấp xã sau khi kết thúc chính quyền địa phương cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 30/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về Quy định về trọng điểm phòng không nhân dân, thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc chỉ huy PKND các cấp, tổ chức lực lượng PKND, bề mặt giới hạn chương ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không và danh mục trang bị cho các lực lượng PKND; Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về xây dựng kế hoạch PKND; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ Quốc phòng về chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về Dân quân tự vệ; Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 262/PKLQ-KHTH ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Cục Phòng không lục quân về việc thống nhất một số nội dung triển khai thực hiện quy định của pháp luật về PKND;

Căn cứ báo cáo phân công nhân sự tham gia Ban Chỉ đạo PKND xã, phường của Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 1, 2, 3, 4;

Ban Chỉ đạo PKND tỉnh hướng dẫn, thống nhất một số nội dung như sau:

1. Cơ cấu tổ chức Ban chỉ đạo phòng không nhân dân xã, phường

- a) Trưởng ban Ban Chỉ đạo là đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- b) Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo

- Phó Trưởng ban Thường trực là đồng chí Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự;

- Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo là đồng chí phó Trưởng Công an.

c) Ủy viên Ban Chỉ đạo

- Đồng chí Phó Chỉ huy trưởng, Ban chỉ huy phòng thủ khu vực trên địa bàn đảm nhiệm (đối với các xã, phường trọng điểm PKND);

- Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị, Phòng Văn hóa-xã hội;

- Lãnh đạo Trung tâm phục vụ hành chính công;

- Lãnh đạo Ban xây dựng Đảng Đảng ủy;

- Lãnh đạo Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự;

- Trưởng thôn (hoặc tương đương), Tổ trưởng tổ dân phố thuộc địa bàn trọng điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự cùng cấp.

2. Tổ chức lực lượng phòng không nhân dân cấp xã

a) Lực lượng phòng không nhân dân nòng cốt

- Lực lượng chuyên trách do dân quân phòng không đảm nhiệm;

- Lực lượng kiêm nhiệm do dân quân không thuộc chuyên ngành phòng không kiêm nhiệm thực hiện.

- Quy mô tổ chức lực lượng phòng không nhân dân nòng cốt

+ Xã, phường trọng điểm phòng không nhân dân tổ chức 01 đến 02 trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7 (Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ Quốc phòng) và 01 tổ bắn mục tiêu bay thấp, 01 tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

+ Cấp xã ngoài trọng điểm phòng không nhân thì tổ chức 01 đến 02 trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7 (Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07/8/2025 của Bộ Quốc phòng) và 01 tổ bắn mục tiêu bay thấp, 01 tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do dân quân thường trực hoặc dân quân cơ động kiêm nhiệm;

+ Ở mỗi thôn hoặc tương đương thôn tổ chức ít nhất 01 tổ phòng không nhân dân do lực lượng dân quân tại chỗ kiêm nhiệm;

b) Lực lượng phòng không nhân dân rộng rãi

Do Ban chỉ huy quân sự cấp xã đăng ký, quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ phòng không nhân dân của địa phương (Theo Thông tư số 30/2025/TT-BQP ngày 15/5/2025 của Bộ Quốc phòng).

3. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục 2, Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân

a) Điều chỉnh cụm từ “Hướng quan trọng”

Về đường bay đánh phá của địch, thống nhất điều chỉnh cụm từ “Hướng quan trọng” thành “Hướng thứ yếu” để bảo đảm thống nhất với tài liệu của Bộ Tổng Tham mưu ban hành năm 2025

b) Điều chỉnh mục D, mục II, phần 3 của phức lục II, trang 31

D. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Tổ chức chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo PKND: Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo PKND cấp tỉnh và sự lãnh đạo trực tiếp, thống nhất của Đảng ủy cấp xã, phường;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường: Trực tiếp chỉ đạo công tác PKND thông qua Ban Chỉ đạo PKND cấp mình;

- Ban chỉ đạo phòng không nhân dân: Chỉ đạo trực tiếp các ban, ngành, thôn hoặc tương đương thôn trên địa bàn.

2. Điều hành công tác phòng không nhân dân

- Trưởng Ban chỉ đạo PKND xã, phường: Trực tiếp điều hành công tác PKND ở cấp mình; chịu trách nhiệm trước cấp ủy, chính quyền địa phương và Ban Chỉ đạo PKND cấp trên về nhiệm vụ công tác PKND;

- Ban chỉ đạo PKND xã, phường: Kiểm tra, hướng dẫn thực hiện công tác PKND ở địa phương mình.

c) Điều chỉnh Mẫu số 09 trang 34

Mẫu số 09 “Quy cách trình bày thuyết minh kế hoạch phòng không nhân dân cấp xã”. Chính lý cụm từ “BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ” thành cụm từ “BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN”.

d) Tỷ lệ bản đồ

Tỷ lệ bản đồ xây dựng kế hoạch PKND xã, phường: 1/50.000

4. Thống nhất một số chỉ tiêu trong xây dựng kế hoạch Phòng không nhân dân

- Vị trí trạm Ra đa, trường ra đa trong khu vực chiến đấu của xã, phường (nếu có);

- Tại Ban Chỉ huy quân sự xã, phường có còi báo động phòng không; các đơn vị phòng không, không quân của bộ, quân khu đứng chân trên địa bàn đều có còi báo động phòng không;

- Mỗi xã, phường tổ chức ít nhất 03 vọng quan sát phòng không bảo đảm quan sát hết khu vực giáp ranh với các địa phương khác và trên hướng chủ yếu, 02 đội PKND rộng rãi bố trí ở 2 khu vực làm nhiệm vụ cơ động phục vụ chiến đấu và khắc phục hậu quả (lực lượng của xã). Căn cứ tình hình thực tế, các mục tiêu PKND trên địa bàn, có thể tổ chức các tổ PKND rộng rãi ở các thôn, khu phố.....

- Căn cứ vào quy mô dân số, các mục tiêu cần sơ tán để các xã, phường xác định, bố trí các khu vực sơ tán hợp lý (mỗi khu sơ tán phải xác định số lượng người, phương tiện cụ thể);

- Tổ chức sơ tán:

+ Đối với cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền các địa phương tổ chức sơ tán 70% theo 02 đợt: Đợt 1: 45% lực lượng, Đợt 2: 25% lực lượng. Số còn lại ở lại bảo vệ tài sản của nhà nước, làm lực lượng chiến đấu, phục vụ, bảo đảm, khắc phục hậu quả, vây bắt giặc lái;

+ Tổ chức sơ tán 70% nhân dân tại các địa bàn trọng điểm PKND được chia làm 3 đợt: Đợt 1: 30%, đợt 2: 25%; đợt 3: 15%. Số ở lại có nhiệm vụ bảo vệ tài sản của Nhà nước, của cải của nhân dân và tiếp tục sản xuất, phục vụ chiến đấu.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo PKND các xã phường xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân xã, phường thực hiện theo Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về xây dựng kế hoạch PKND và hướng dẫn này (Không thực hiện theo mẫu số 3 tại Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ Quốc phòng; mẫu số 3 tại Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Bộ Quốc phòng);

Căn cứ vào các văn bản thi hành pháp luật Phòng không nhân dân và hướng dẫn này, UBND các xã, phường chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp thành lập Ban Chỉ đạo PKND, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo PKND, cơ quan Tham mưu, giúp việc cấp mình **xong trước ngày 31/10/2025**, xây dựng kế hoạch PKND **xong trước ngày 20/11/2025** và báo cáo về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo PKND tỉnh. Quá trình thực hiện có vướng mắc, phát sinh báo cáo về Cơ quan Tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo PKND tỉnh (Ban Phòng không, Phòng Tham mưu, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, SĐT: 069.682306 hoặc 0987342929) để được hướng dẫn./.

**TM.BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Phó trưởng ban TT Ban Chỉ đạo;
- Cơ quan Thường trực BCD;
- BCD PKND 72 xã, 23 phường;
- Lưu: VT, PK. V99.

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Thanh Sơn**

Số: /BCĐ-CQTT

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2025

V/v báo cáo số liệu phục vụ xây dựng kế
hoạch phòng không nhân dân tỉnh (kế
hoạch thời chiến)

Kính gửi: Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề án sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương cấp xã sau khi kết thúc chính quyền địa phương cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về xây dựng kế hoạch PKND; Công văn số 618/UBND-THNC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 29/2025/TT-BQP ngày 15/5/2025 của Bộ Quốc phòng.

Để xây dựng kế hoạch Phòng không nhân dân tỉnh (kế hoạch thời chiến) sát với tình hình thực tế sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và quyết tâm tác chiến phòng thủ của tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân các xã, phường cung cấp một số dữ liệu như sau:

1. Tình hình tổ chức biên chế, trang bị các lực lượng phòng không nhân dân (thời bình, thời chiến)

- Tổ chức biên chế vũ khí, khí tài trang bị, đạn (lực lượng chiến đấu phòng không nhân dân);

+ Súng máy phòng không 12,7 (thời bình, thời chiến);

+ Tổ bộ binh (thời bình, thời chiến);

+ Tổ chế áp UAV (thời bình, thời chiến);

+ Vọng quan sát phòng không (thời bình, thời chiến);

+ Vũ khí: SMPK12,7, Súng trường, súng Tiểu liên...(thời bình, thời chiến);

+ Khí tài: Kính chỉ huy, ống nhòm, địa bàn...(thời bình, thời chiến);

+ Đạn dược (thời bình, thời chiến);

- Còi hụ: Số lượng, địa điểm đặt, tọa độ (thời bình, thời chiến);

- Hệ thống loa truyền thanh: Số lượng?
- Tổ phục vụ chiến đấu: Số lượng tổ, quân số;
- Đội phục vụ chiến đấu: Số lượng đội, quân số;
- Tổ phục vụ chiến đấu: Số lượng tổ, quân số;
- Đội phục vụ chiến đấu: Số lượng đội, quân số;

2. Khu vực sơ tán, phương tiện cơ động, đường sá, cầu cống

- Khu vực sơ tán lực lượng vũ trang (căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần kỹ thuật, căn cứ hậu phương): Địa danh (ghi từ thôn, ấp, xã), tọa độ;
- Khu vực sơ tán cơ quan Đảng, Chính quyền: Địa danh (ghi từ thôn, ấp, xã), tọa độ, số lượng;
- Khu vực sơ tán nhân dân: Địa danh (ghi từ thôn, ấp, xã), tọa độ, số lượng;
- Phương tiện sơ tán: Ôtô, tàu, thuyền, xe thô sơ, đi bộ.....(số lượng bao nhiêu chiếc, lực lượng vũ trang bao nhiêu, cơ quan Đảng, chính quyền bao nhiêu, huy động từ nhân dân, công ty, xí nghiệp bao nhiêu);
- Đường cơ động: Đường chính thức, đường dự bị;
- Loại đường cơ động: Đường đất, đường nhựa,....
- Hệ thống cầu, cống trên đường cơ động;

3. Hệ thống công trình phòng tránh, hầm trú ẩn, hang động tự nhiên, hệ thống công trình lưỡng dụng

- Hầm SCH diện tích sử dụngm²; hầm trú ẩn tại SCH diện tíchm²; hầm trú ẩn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương diện tíchm² (nếu có).
- Hang động tự nhiên: hang (chưa được cải tạo), hang (đã được cải tạo) với diện tíchm².

- Công trình lưỡng dụng
- + Công trình có tầng hầm sử dụng để sơ tán gần, sơ tán phòng tránh.
- + Công trình ngầm có thể sử dụng đường cơ động, hầm ẩn nấp (bằng bê tông cốt thép khổ rộng từ 1,5m x 1,5m đến 3,0m x 3,5m):

4. Tổ chức sơ tán, phòng tránh

- Sơ tán các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền: Đợt 1:.....đ/c, Đợt 2:đ/c (sơ tán 70% quân số, Đợt 1: 45% quân số, Đợt 2: 25% quân số).
- Sơ tán nhân dân ở các địa bàn trọng điểm PKND: Đợt 1:.....người, Đợt 2:người, đợt 3.....người (sơ tán 50÷70% nhân dân, chia làm 3 đợt: Đợt 1: 30%, đợt 2: 25%; đợt 3: 15%).

Lưu ý: Các số liệu trên được quản lý theo chế độ TỐI MẬT.

Đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân các xã, phường cung cấp đầy

đủ số liệu để Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch Phòng không nhân dân tỉnh. Báo cáo gửi về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân tỉnh (qua Phòng Tham mưu) **trước ngày 30/10/2025**. Quá trình trình tổng hợp số liệu có vướng mắc liên hệ đồng chí Thiếu tá Nguyễn Văn Vĩnh, cán bộ chuyên trách phòng không nhân dân, số điện thoại: 069.682306 hoặc 0987342929 để được hướng dẫn./.

**TM.BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan Thường trực BCD;
- Lưu: VT, PK. V98.

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Trường Sơn**